

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn V – Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/09/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Yên, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã sống

ly thân 10 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn V.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 15/04/2006, hiện nay cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2022, đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Bùi Văn V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2006 tại UBND xã Thành Yên, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị đã ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 15/04/2006. Ly hôn cháu T muốn ở với ai là do cháu tự quyết định, anh V thông nhất theo nguyện vọng của cháu T.

- Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự.

Tại phiên tòa, HĐXX công bố bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được pH công giải quyết vụ án, các thành viên HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Bùi Văn V. Giao cháu Bùi Phương T, sinh ngày 15/04/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh V có quyền tham nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn V cư trú tại thôn TT, xã TY, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị H, anh V và đã thông báo cho các đương sự được biết về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt). Tại đơn xin vắng mặt anh V đề nghị Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh, không tiếp tục hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh V được biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Tại phiên tòa chị H, anh V đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh V.

[2]. Về hôn nhân: Chị H và anh V có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2006 tại UBND xã TY, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị H và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, anh V cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Bùi Văn V.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 15/04/2006. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh V trình bày cháu Thảo muốn ở với ai là do cháu tự quyết định, anh V thống nhất theo nguyện vọng của cháu Thảo. Xét yêu cầu của chị H là chính đáng và hợp pháp, cháu T hiện đang ở với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, để thuận tiện cho việc chăm sóc con chung, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt, cũng như xem xét về lợi ích chính đáng và nguyện vọng của cháu T. Vì vậy, HĐXX nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 15/04/2006. Ly hôn giao cháu Bùi Phương T cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007833 ngày 19/10/2022, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H và anh V. Chị H và anh V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TY;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân